TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH** Bản án số: 262/2020/HSST Ngày: 04-9-2020	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Nguyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

Ông Nguyễn Văn Quỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung–Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 255/2020/TLST-HS ngày 17-8-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2020/QĐXXST-HS ngày 20-8-2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Chu Đức T, sinh năm 1980 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 26 ngõ H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Quốc D và bà Đặng Thị L, có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01 tháng 5 năm 2020 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Vũ Thị M, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm 5, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định;

2. Anh Trần Văn G, sinh năm 1975; nơi cư trú: Xóm 5, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

3. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xóm 5, xã Giao H, huyện G, tỉnh Nam Định.

(chị M, anh G, anh Q đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 29-4-2020, anh Trần Văn G sinh năm 1975 cùng vợ là chị Vũ Thị M sinh năm 1979 và các anh em trai là Trần Văn Q sinh năm 1970, Trần Văn Hóa sinh năm 1982 đều trú xóm 5, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29A- dừng ở khu vực sân nhà thờ Lớn ở đường Trần Hưng Đ, phường Trần Hưng Đ, thành phố N để cầu nguyện. Anh G đỗ xe tại lề đường sát sân bên phải tượng Đức Mẹ, đầu xe hướng ra đường Trần Hưng Đ. Sau đó cả 04 người đi bộ đến cầu nguyện ở trước tượng Đức Mẹ, chị M có hỏi với anh G về tiền để đặt công đức là "Anh đã có tiền chưa?". Đúng lúc này Chu Đức T đi bộ ngang qua nghe thấy nghĩ chị M coi mình là kẻ gian có ý định trộm cắp tiền nên bức xúc. Khi chị M và anh G quay lại xe, T đi về phía đầu xe của anh G chửi bới và bắt chị M xuống xe, khi chị M xuống xe thì bị T áp sát dùng tay tát 02 phát vào má trái, dồn chị M lùi lại phía sân nhà thờ Lớn. Lúc này anh G, anh Q, anh H đi đến can ngăn và xin lỗi T nhưng T không dừng lại mà tiếp tục chửi bới bắt chị M quỳ xuống. Do hoảng sợ nên chị M quỳ xuống và xin lỗi T, anh G và anh Q chạy đến can ngăn, anh H đi tìm người giúp đỡ. Thấy anh Q, anh G không có sự phản kháng nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T chửi bới, đe dọa chị M và những người đi cùng là nếu không đưa đủ 1.000.000 đồng thì sẽ đánh chết chị M, đồng thời dùng tay tát 02 phát vào mặt chị M và dùng chân đạp liên tiếp 03 phát vào bụng và ngực chị M. Anh G, anh Q can ngăn nhưng T không đồng ý và rút điện thoại trong quần ra giả vờ gọi để rủ người ra đánh 4 người nhà anh G. T tiếp tục tát chị M rồi quay sang phía anh G đe dọa phải đưa 1.000.000 đồng. Anh G xin và nói trong ví chỉ có 150.000 đồng, đồng thời rút ví từ túi quần ra cho T xem, T liền lấy số tiền 150.000 đồng (gồm 01 tờ 100.000 đồng và 01 tờ 50.000 đồng) trong ví của anh G cất vào túi quần rồi trả lại ví cho anh G. Sau khi cầm tiền T tiếp tục đe dọa bắt anh G và anh Q phải đưa đủ 1.000.000 đồng, nếu không đưa đủ thì sẽ giết chị M. Sau đó T bắt anh Q tháo đồng hồ và đưa ví tiền cho T thì mới bỏ

qua. Lợi dụng lúc T không để ý anh G kéo chị M chạy lên xe ô tô rồi điều khiển đến Công an phường Trần Hưng Đ trình báo sự việc. Anh Q cũng bỏ chạy khỏi hiện trường, T đuổi theo anh Q nhưng không đuổi được, sau đó T về nhà và đưa cho bà Đặng Thị L (mẹ đẻ của T) 50.000 đồng còn 100.000 đồng T tiêu xài cá nhân hết.

Nhận được đơn trình báo của bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu. Đến ngày 30-4-2020, Chu Đức T đến Công an thành phố N đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên. T tự nguyện giao nộp 01 quần sóc tối mầu; 01 áo phông không cổ, ngắn tay; 01 đôi giày màu đen viền đế mầu trắng là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi.

Về dân sự: Bị cáo Chu Đức T đã tự nguyện hoàn trả cho anh G và chị M số tiền 150.000 đồng, anh G và chị M đã nhận số tiền trên và không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 254/CT-VKSTPNĐ ngày 17-8-2020của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Chu Đức T về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Chu Đức T phạm tội "Cướp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Đức T từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 quần sóc tối mầu; 01 áo phông không cổ. ngắn tay; 01 đôi giày màu đen viền đế mầu trắng.

Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đơn trình báo và lời khai của người bị hại, biên bản thực nghiệm điều tra; sơ đồ hiện trường vụ án, lời khai của những người làm chứng nên đã có cơ sở kết luận khoảng 23 giờ ngày 29-4-2020, bị cáo đã có hành vi đe dọa chửi bới và dùng tay, chân đánh vào mặt, bụng chị Vũ Thị M nhằm chiếm đoạt của chị Vũ Thị M, anh Trần Văn G và anh Trần Văn Q số tiền 1.000.000 đồng tại khu vực sân nhà thờ phường Trần Hưng Đ, thành phố N. Tuy nhiên do các bị hại bỏ chạy khỏi hiện trường nên T mới chỉ chiếm đoạt được của anh G số tiền 150.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quyền sở hữu về tài của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý trực tiếp phạm tội. Việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Chu Đức T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn ở mức khởi điểm của khung hình phạt để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với bà Đặng Thị L không biết số tiền 50.000 đồng do T phạm tội mà có nên không dặt ra vấn đè xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn G và chị Vũ Thị M đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 quần sóc tối mầu; 01 áo phông không cổ, ngắn tay; 01 đôi giày màu đen viền đế mầu trắng là trang phục bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự: Bị cáo Chu Đức T bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Chu Đức T phạm tội "Cướp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Chu Đức T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2020.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 quần sóc tối mầu; 01 áo phông không cổ, ngắn tay; 01 đôi giày màu đen viền đế mầu trắng (vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Chu Đức T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Chu Đức T được quyền kháng cáo Bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Vũ Thị M, anh Trần Văn G, anh Trần Văn Q được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Toà án ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục thi hành án TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nguyên